TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Giang

Ông Nguyễn Ngọc Sơn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Bảo Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Ú, sinh năm: 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn B, sinh năm: 1977 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm H, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2023 nguyên đơn bà Đặng Thị Ú *trình bày:*

Bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B thành hôn với nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trong thời gian chung sống bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau, vợ chồng không thể đoàn tụ nên bà Đặng Thị Ú yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn B. Về con chung: Bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Văn B trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt và không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Ú. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Ú xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Bùi Văn B có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn bà Đặng Thị Ú khởi kiện xin ly hôn với ông Bùi Văn B nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Bùi Văn B nhưng ông B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, bà Ú xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ú, ông B là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B thành hôn với nhau năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Được thể hiện tại trích lục kết hôn số 92/TLKH-BS ngày 31/10/2023 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn bà Đặng Thị Ú trình bày trong thời gian chung sống bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cải nhau, bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B không thể đoàn tụ nên bà Đặng Thị Ú yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn B. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Đặng Thị Ú và ông Bùi Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Ú là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Đặng Thị Ú xác định, bà Ú và ông Bùi Văn B không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Ú xác định, bà Ú và ông Bùi Văn B không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Đặng Thị Ú phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Ú, bà Đặng Thị Ú được ly hôn với ông Bùi Văn B.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Đặng Thị Ú phải chịu 300.000 đồng, bà Đặng Thị Ú có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003062 ngày 27/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Võ Minh Luân